

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2022/DSPT

Ngày: 27/9/2022

V/v: Tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Xuân Phách

Ông Võ Hồng Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai
- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 do có kháng cáo của nguyên đơn, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8257/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quách Xuân H; sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Quách Cao H1; sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Bá V, Luật sư Đinh Tây V1- Văn phòng luật sư V, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt luật sư V; vắng mặt luật sư V1.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Quách Thị Đ; sinh năm 1936. Xin xét xử vắng mặt

2.2. Ông Quách Văn N, sinh năm 1941. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đào Văn Q, sinh năm 1971 và ông Quách Văn C; sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Quách Thị Đ: Bà Phạm Thị T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Quách Văn Đ, sinh năm 1947; nơi cư trú: Đường 5, phố Đ, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt

3.2. Bà Dương Thị N, sinh năm 1974. Có mặt

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt người đại diện.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Quách Xuân H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Quách Xuân H trình bày:

Bố ông là cụ Quách Văn B, mẹ ông là cụ Bùi Thị H. Bố mẹ ông sinh được 04 người con gồm Quách Thị Đ, ông Quách Văn N, ông Quách Văn Đ và ông là con út của hai cụ. Cụ B mất năm 1951, cụ H mất năm 2005. Khi còn sống hai cụ tạo lập được 02 mảnh đất ở thôn L, xã H. Mảnh đất thứ nhất có diện tích 479m², tại thửa số 85, tờ bản đồ số 25 do bà Quách Thị Đ quản lý, sử dụng; mảnh đất thứ hai tại thửa số 72, tờ bản đồ số 25 diện tích 136m² do ông Quách Văn N đang quản lý, sử dụng. Khi còn sống hai cụ chưa phân chia tài sản cho con nào, chưa bán, tặng cho ai. Khi chết, cả hai cụ đều không để lại di chúc. Do đó, ông đã làm đơn khởi kiện chia thừa kế là quyền sử dụng hai mảnh đất trên của bố mẹ ông theo quy định của pháp luật. Ông đề nghị Tòa án chia theo diện tích thực tế đo đạc được tại thời điểm xét xử và cho ông được hưởng thừa kế bằng hiện vật (đất). Ngoài hai mảnh đất trên ông không yêu cầu chia thừa kế tài sản nào khác.

Ngoài ra ông H bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 095150 do UBND huyện K cấp ngày 15/7/2020 cho bà Quách Thị Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 011002 do UBND huyện K cấp ngày 02/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 709220 do UBND huyện K cấp cho ông Quách Văn N và bà Nguyễn Thị T. Sau đó ông rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất mà UBND huyện K đã cấp cho ông N và bà T.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đào Văn Q trình bày: Mẹ anh là bà Quách Thị Đ hiện đang quản lý sử dụng đất đối với thửa đất số 85, tờ

bản đồ 25, có diện tích 479m² ở thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên và đã được cấp GCNQSD năm 2020. Từ những năm 1970, nhà nước đã cấp cho mẹ anh mảnh đất có diện tích 373m² và trước năm 1980 mẹ anh có nhờ cụ H mua của cụ Trương Hồng mảnh đất có diện tích 104m² do thời điểm đó mẹ anh đi làm xa không về được, khi mua không có giấy tờ gì chỉ thỏa thuận bằng miệng, bà Trương Hồng đã mất từ lâu. Đến năm 1982, khi thực hiện đo bản đồ 299 thì mẹ anh đứng tên quản lý và sử dụng mảnh đất này khi đó có diện tích 424m², dần dần do gia đình anh mở rộng và máy đo đạc chính xác hơn thì xác định gia đình anh sử dụng diện tích 479m², từ khi nhận đất mẹ anh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước.

Bị đơn là ông Quách Văn N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Quách Văn C trình bày: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn H. Theo ông N mảnh đất ông H đang tranh chấp với bà Đ có diện tích 479m² có nguồn gốc cụ H được nhà nước cấp cho sử dụng từ những năm 1970, sau đó cụ H đã cho bà Đ sử dụng từ năm 1971, quá trình sử dụng bà Đ đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nộp thuế, xây dựng công trình kiên cố trên đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mảnh đất có diện tích 136m² ông N đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của cụ B, cụ H để lại cho ông N để thờ cúng tổ tiên. Khi hai cụ cho ông N thì không có giấy tờ gì chỉ nói bằng miệng. Ông N đã ở mảnh đất này từ khi còn bé và khi được các cụ cho thì bố ông thực hiện nộp thuế nhà đất đầy đủ, đến năm 2013 bố ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn Đ trình bày: Đối với thửa đất mà ông Quách Văn N đang sử dụng là của cụ B và cụ H. Đối với mảnh đất bà Đ đang sử dụng có nguồn gốc sau khi cụ B mất đến khi cải cách ruộng đất năm 1955 cụ H được nhà nước cấp và cả hai thửa đất trên khi còn sống cụ H đã cho ông N và bà Đ từ năm 1980 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Trong trường hợp chia thừa kế ông không đòi hỏi gì mà nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông N và bà Đ sử dụng.

Đại diện UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên ông Ngô Văn Tùng - Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện K trình bày: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị Đ, ông Quách Văn N và bà Nguyễn Thị T là đúng theo trình tự, thủ tục của pháp luật quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Xuân H.

Tại biên bản xác minh, UBND xã H cung cấp: Đối với thửa đất đứng tên bà Quách Thị Đ: Theo bản đồ 299 được đo vẽ từ năm 1982 có 02 thửa: Thửa thứ nhất, thửa 192, tờ bản đồ số 12, diện tích 320m² đất thổ cư; thửa thứ 2, thửa số 193, tờ bản đồ số 12, diện tích 104m² tên chủ sử dụng là bà Quách Thị Đ. Theo bản đồ năm 2002 gộp cả hai thửa trên thành thửa 177, tờ bản đồ

số 19 diện tích là 479m². Bản đồ Vlap năm 2013, được thể hiện tại thửa 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 478.6m², các bản đồ đều tên chủ sử dụng là bà Quách Thị Đ. Hiện thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản mảnh đất hiện bà Đ đang sử dụng tại thửa số 85, tờ bản đồ số 25 có diện tích 476.6m² (trong đó đất ở là 320m², trị giá 1.200.000đ/m² = 384.000.000đ và đất trồng cây lâu năm là 156.6m², trị giá 90.000đ/m² = 14.094.000đ; Công trình xây dựng và cây trồng trên đất trị giá: 712.351.868đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã căn cứ vào khoản 5 Điều 29, Điều 34 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623 Bộ luật dân sự; Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016, được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất hiện ông Quách Văn N đang quản lý, sử dụng có số thửa 72, tờ bản đồ số 25, diện tích 136m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 011002 do UBND huyện K cấp ngày 02/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 709220 do UBND huyện K cấp cho ông Quách Văn N và bà Nguyễn Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Xuân H về yêu cầu khởi kiện: Chia thừa kế đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 479m² đo thực tế 476.6m² hiện bà Đ đang sử dụng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 095150 do UBND huyện K cấp ngày 15/7/2020 cho bà Quách Thị Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/02/2022, nguyên đơn là ông Quách Xuân H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế theo pháp luật thửa đất của bà H có diện tích 479m², hiện bà Đ đang quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế di sản của bà H đối với thửa đất có diện tích 479m², hiện bà Đ đang quản lý, sử dụng.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn có ý kiến: Xác định đất có nguồn gốc của cụ H được nhà nước giao năm 1970 đối với đất phần trăm của

Hợp tác xã. Năm 1970 ông H làm nhà và năm 1970 bà Đ về ở với cụ H. Tại Công văn số 56 của Ủy ban xác định đất có nguồn gốc của cụ H, nhưng tài liệu từ 1985 trở về trước không có. Năm 1995 hai vợ chồng ông H đi Cao Bằng về thì nhà do cụ H, ông H xây thì bà Đ ở nên vợ chồng ông H về bên ngoại ở. Án sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03 là không đúng vì khác nhau về quan hệ pháp luật, Án lệ là chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, còn vụ án này là chia thừa kế. Năm 2004 cụ H cho ông H một phần diện tích đất, nhưng bà Đ cản trở không cho. Năm 2020 bà Đ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có chữ ký của các đồng thừa kế và giấy chứng nhận được cấp khi đang có tranh chấp là không đúng quy định. Đề nghị hủy giấy chứng nhận cấp cho bà Đ, chia thừa kế diện tích đất là di sản của cụ H theo quy định.

Nguyên đơn đồng ý với quan điểm của Luật sư.

Người bảo vệ quyền lợi của Bị đơn có ý kiến tranh luận: Nguồn gốc đất, Nguyên đơn cho rằng của cụ H là không có căn cứ. Quá trình sử dụng đất, Bị đơn quản lý, sử dụng đất từ năm 1971 đến nay. Đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn là bà Đ thể hiện ở: Bản đồ 299, bản đồ địa chính năm 2008, 3013 tên chủ dụng dụng đất là bà Đ. Bà Đ cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Biên bản xác minh, Ủy ban nhân dân có ý kiến, tại thời điểm bà Đ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đủ căn cứ (BL 161). Do vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu gì mới, đề nghị Tòa án bác kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến: Đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguồn gốc thửa đất 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 479m² đo thực tế 476.6m², theo lời khai bà Đ, bà được nhà nước cấp năm 1971 nhưng không có tài liệu chứng minh. Tuy nhiên, anh em ruột của bà là các ông H, Đ, N đều xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do mẹ các ông, bà là cụ H để lại. Ông Đ, ông N còn xác định cụ H đã cho bà Đ diện tích đất trên từ những năm 1971. Mặc dù ông H không thừa nhận nội dung này nhưng theo các bản đồ 299, bản đồ 2002, bản đồ 2008 và đo vẽ theo dự án

VLap năm 2013, diện tích đất tranh chấp nêu trên đều đăng ký tên chủ sử dụng đất là bà Đ, thực tế bà đã xây nhà và sinh sống ổn định trên thửa đất từ năm 1971 đến nay. Năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đ. Mặt khác Ủy ban nhân dân xã H cung cấp hồ sơ liên quan đến thửa đất 85 năm 1987 trở về trước không còn lưu trữ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ.

Ông H kháng cáo toàn bộ bản án nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn là ông Quách Xuân H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Quách Xuân H đảm bảo quy định về thời hạn, hình thức, nội dung, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Sự vắng mặt tại phiên tòa của một số đương sự đã có mặt người đại diện theo ủy quyền hoặc không kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Quách Xuân H yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 479m² đo thực tế 476.6m², hiện bà Quách Thị Đ đang quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử thấy:

[4] Về nguồn gốc thửa đất: Nguyên đơn, ông Quách Văn N, ông Quách Văn Đ cho rằng diện tích đất 479m², thuộc thửa số 85 do Nhà nước cấp năm 1970 cho cụ H là mẹ đẻ của các ông, nhưng ngoài lời trình bày thì cũng không có tài liệu nào chứng minh. Bà Quách Thị Đ không thừa nhận đất có nguồn gốc nhà nước cấp cho cụ H. Bà Đ cho rằng năm 1970 nhà nước cấp đất cho bà Đ 373m² và trước năm 1980 bà Đ nhờ cụ H mua của cụ Trương Hồng mảnh đất liền kề có diện tích 104m², khi mua không có giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Như vậy, Nguyên đơn, Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngoài lời khai thì không cung cấp được tài liệu chứng minh về nguồn gốc đất.

[5] Về quá trình sử dụng đất: Theo lời khai của ông Đ và ông N thì khi còn sống cụ H đã cho bà Đ sử dụng. Ông Đ, ông N còn xác định cụ H đã cho bà Đ diện tích đất trên từ những năm 1971. Bà Gái và ông H xác định khi cụ H còn sống đã cho bà Đ sử dụng từ năm 1971. Thực tế bà Đ đã là người sử dụng đất làm nhà ở từ năm 1971 đến nay, quá trình sử dụng bà Đ đã đứng lên

kê khai, nộp thuế. Cụ H không ở cùng nhà với bà Đ mà ở cùng nhà ông N trên thửa đất khác.

[6] Về căn cứ pháp lý: Theo Bản đồ 299 được đo vẽ năm 1982 bà Quách Thị Đ đứng tên chủ sử dụng hai thửa đất, gồm thửa 192, tờ bản đồ số 12, diện tích 320m² và thửa số 193, tờ bản đồ số 12 có diện tích 104m². Theo bản đồ năm 2002, gộp hai thửa đất trên thành một thửa số 177, tờ bản đồ số 19, diện tích 479m². Theo Bản đồ Vlap năm 2013 được thể hiện tại thửa 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 478m². Các bản đồ đều tên chủ sử dụng là bà Quách Thị Đ. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã H cung cấp hồ sơ liên quan đến thửa đất 85, thì trước thời điểm trên không còn lưu trữ tài liệu liên quan đến thửa đất.

[7] Tại bản án Dân sự phúc thẩm số 17/2019/DS-PT ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Bản án có hiệu lực pháp luật, theo quy định thì mọi cá nhân, tổ chức đều phải chấp hành. Tại bản án này có nhận định thửa đất số 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 479m², đo thực tế 476,6m² không thuộc quyền sử dụng của cụ H, chỉ thể hiện chủ sử dụng đất duy nhất là bà Quách Thị Đ. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[8] Sau khi có Bản án phúc thẩm nêu trên, bà Đ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 095150, ngày 15/7/2020 cho bà Quách Thị Đ.

[9] Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy thửa đất số 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 479m² không phải là di sản thừa kế của cụ H, nên việc ông H khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ H là thửa đất số 85 không có cơ sở chấp nhận.

[10] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 095150 do UBND huyện K cấp ngày 15/7/2020 cho bà Quách Thị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, như phân tích trên xác định thửa đất số 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 479m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Quách Thị Đ, nên việc UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Quách Thị Đ là hoàn toàn có căn cứ. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của ông H.

[11] Từ các căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy Bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Quách Xuân H về yêu cầu: Chia thừa kế đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 25, diện tích 479m² đo thực tế 476.6m² hiện bà Đ đang sử dụng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 095150 do UBND huyện K cấp ngày 15/7/2020 cho bà Quách Thị Đ là có căn cứ, đúng quy định. Kháng cáo của ông Quách Xuân H không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của ông Quách Xuân H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Quách Xuân H là người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Quách Xuân H; Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST, ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Quách Xuân H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa